

**ẢNH HƯỞNG CỦA YẾU TỐ VĂN HÓA**  
**TỚI VIỆC HỌC TIẾNG ANH CỦA NGƯỜI VIỆT:**  
**TÍNH CHỦ QUAN, TÍNH KHÁCH QUAN**  
**CULTURAL INTERFERENCE ON VIETNAMESE ENGLISH**  
**LEARNING: SUBJECTIVITY VS. OBJECTIVITY**

PHƯƠNG THỊ THANH HUYỀN  
(Giảng viên Đại học FPT)

**Abstract**

Basing on the different ways in which culture is perceived and defined, especially on the classroom observation, and on the statistics collected from some surveys and Vietnamese-Anglo-American press analysis, the article highlights the cross - cultural influence on Vietnamese English - learners. Some recommendations are raised to facilitate English learning and teaching in Vietnam as well.

**1. Đặt vấn đề**

Ngày nay, nhu cầu đối với việc học ngoại ngữ càng tăng lên thì nhận thức về yếu tố giao văn hóa trong dạy và học ngoại ngữ nói chung và trong dạy và học tiếng Anh nói riêng càng thu hút được nhiều sự quan tâm rộng rãi và sâu sắc. Trong một thế giới hội nhập, nơi mà sức văn hóa và xung đột văn hóa đang là một thực tế diễn ra hàng ngày, việc nâng cao nhận thức cho người học về sự tương đồng và khác biệt giữa các nền văn hóa sẽ là một yêu cầu bức thiết để giúp người học tiếp nhận ngôn ngữ mới chính xác hơn và có khả năng sử dụng ngôn ngữ này một cách hiệu quả, tăng cường tính tương tác và hợp tác trong giao tiếp. Từ việc quan sát lớp học trong suốt mười năm làm việc với tư cách một giáo viên dạy tiếng Anh ở các trường đại học ở Hà Nội, và thông qua dữ liệu thu thập từ một số câu hỏi điều tra, chúng tôi nhận thấy quá trình học tiếng Anh như một ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam gặp một số trở ngại do ảnh hưởng của một số phạm trù giao văn hóa Anh –Việt nhất định. Trong phạm

vi của bài viết này chỉ xin đề cập đến cặp phạm trù là tính Chủ quan - tính Khách quan.

Tính Chủ quan - tính Khách quan là cách thức con người nhìn nhận về mình trong mối quan hệ với tự nhiên và xã hội. Trong đó:

Tính Chủ quan là cách một cá nhân nhìn nhận mình là chủ thể trong mọi mối quan hệ với tự nhiên và xã hội.

Tính Khách quan là cách một cá nhân nhìn nhận mình có vai trò bình đẳng với mọi đối tượng khác trong thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh, do đó mà ý nghĩ, vai trò, cảm xúc, đánh giá... của cá nhân hầu như không được bộc lộ ra bên ngoài.

**2. Ảnh hưởng của tính Chủ quan - tính Khách quan với việc học và sử dụng giới từ tiếng Anh**

Sự can thiệp của phạm trù tính Chủ quan và tính Khách quan đối với việc học và sử dụng tiếng Anh của người Việt trước hết biểu hiện ở việc sử dụng các giới từ tiếng Anh. Khó khăn này chủ yếu xuất hiện với người mới học. Qua việc quan sát nhiều lớp học ở trình độ tiếng Anh cơ bản, người viết nhận thấy sinh viên gặp

khó khăn trong việc dùng đúng các giới từ chỉ không gian. Khi nói, khi viết người học thường phạm lỗi trong những câu như sau:

“Cánh điều đang bay trên bầu trời xanh thẳm”

Câu trả lời khá thường thấy là:

“The kite is flying *over* the deep blue sky.”

Thay vì câu trả lời nên có là:

“The kite is flying (*up*) *in* the sky”.

Trên thực tế, năm 2004, người viết đã tiến hành một khảo sát dưới dạng một bài tập nhỏ

với 100 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Công nghệ thông tin và Quản trị kinh doanh tại khoa Hợp tác Quốc tế, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đang theo học chương trình Tiếng Anh cơ bản. Trong khảo sát, sinh viên tham gia được yêu cầu điền giới từ tiếng Anh thích hợp để hoàn thành năm câu. Khảo sát tuy được tiến hành trong quy mô nhỏ nhưng kết quả cũng chỉ ra vài điểm khá đáng chú ý:

| Câu hỏi khảo sát                                     | Đáp án đúng | Đáp án sai |      |     |      |      |
|------------------------------------------------------|-------------|------------|------|-----|------|------|
|                                                      |             | above      | down | on  | over | khác |
| 1. He plunged .....the river and disappeared. (into) | 57%         | 0%         | 25%  | 1%  | 0%   | 17%  |
| 2. The fan is .....the ceiling. (on)                 | 62%         | 21%        | 0%   |     | 15%  | 2%   |
| 3. The plane is flying .....the sky. (in)            | 49%         | 12%        | 0%   | 25% | 14%  | 0%   |

Câu hỏi 1: He plunged **into** the river and disappeared. (Hắn lao **xuống** sông và biến mất)

Câu hỏi 2: The fan is **on** the ceiling. (Chiếc quạt treo **trên** trần nhà)

Câu hỏi 3: The plane is flying **in** the sky. (Chiếc máy bay đang bay **trên** bầu trời).

Khi đối chiếu câu tiếng Anh và câu tiếng Việt tương ứng, một thực tế được bày ra khá rõ ràng là người Việt có khuynh hướng chủ quan hơn trong tư duy về không gian. Trong mỗi câu miêu tả, chúng ta luôn thấy bóng dáng của một cái tôi – người quan sát – thấp thoáng đâu đó dù không trực tiếp xuất hiện trong câu chữ và ta khá dễ dàng định vị được chủ thể này. “Hắn lao **xuống** sông và biến mất”, ta thấy một người quan sát đang đứng trên bờ sông hay một vị trí nào đó cao hơn dòng sông, nơi mà “hắn” lao xuống. Trong câu “Chiếc quạt treo **trên** trần nhà”- chủ thể quan sát ở phía dưới “cái quạt” và “trần nhà”. Tương tự như vậy, “Chiếc máy bay đang bay **trên** bầu trời” là vì “cái máy bay” và cả “bầu trời” đều ở phía trên của người quan sát xét theo không gian thẳng đứng. Như vậy, giới

từ “**xuống**” trong câu 1, “**trên**” trong câu 2 và 3 được quyết định bởi mối tương quan về vị trí của tất cả các khách thể (dòng sông, máy bay, cái quạt, trần nhà) với chủ thể quan sát thay vì vị trí tương ứng của chúng với nhau.

Trong khi đó, người Anh-Mĩ có khuynh hướng đặt chủ thể quan sát sang một bên, và các khách thể trở thành trung tâm duy nhất của bức tranh. Chúng được xem xét trong mối quan hệ với nhau và hoàn toàn độc lập khỏi vai trò hoa tiêu, áp đặt, quy định của người quan sát. “**Into**” được sử dụng trong câu một vì “hắn” là một khách thể nhỏ hơn về kích thước so với dòng sông, đang vận động từ bên ngoài vào bên trong của dòng sông. Trong câu 2, chiếc quạt có sự tiếp xúc bề mặt với trần nhà, do vậy giới từ “**on**” là giới từ được lựa chọn của tiếng Anh tiêu chuẩn. Trong câu 3, chiếc máy bay tuy có sự vận động nhưng vẫn nhỏ hơn và vốn ở trong, được bao bọc bởi không gian rộng lớn của bầu trời, do vậy mà giới từ “**in**” được sử dụng. Mối quan hệ của các khách thể trong các câu này

được cụ thể hóa đến chi tiết cả về tương quan kích cỡ, vận động, vị trí nhờ vào việc sử dụng các giới từ đã nêu. Tuy nhiên, chúng ta không thấy bất cứ yếu tố can thiệp nào của chủ thể quan sát. Nói như thế không có nghĩa là tiếng Anh-Mỹ không có chút chủ quan tính nào trong cách định vị mọi vật trong không gian. Trên thực tế câu “He plunged **into** the river and disappeared” (hắn nhảy vào dòng sông rồi biến mất) hoàn toàn có thể được viết thành “He plunged **down into** the river and disappeared” (hắn nhảy xuống vào lòng sông rồi biến mất), hay câu “The plane is flying **in** the sky” (Chiếc máy bay đang bay trong bầu trời) có thể được viết thành “The plane is flying **up in** the sky”. Tuy thế, những nhân tố mang màu sắc chủ quan như giới từ “down” trong câu 1 và “up” trong câu sau không phải là nòng cốt mang tính sống còn của câu, chúng có thể xuất hiện để bổ sung ý nghĩa hoặc được bỏ đi. Như vậy, tính chủ quan trong văn hóa và ngôn ngữ Anh – Mỹ không phải là không tồn tại, chỉ là trong văn hóa và ngôn ngữ Việt nó được biểu hiện đậm nét hơn mà thôi. Nói như Nguyễn Quang (2008) “Các bình diện phạm trù này cần được xét ở ba cấp độ: Có hay không, liều lượng thế nào (proportionality) và biểu hiện ra sao”.

Khi nhìn vào kết quả khảo sát ta thấy tỉ lệ sử dụng giới từ đúng (**into**) cho câu hỏi thứ nhất là 57%, và một phần tư số sinh viên được khảo sát, chiếm 25% những sinh viên có trả lời sai trọn giới từ “**down**” (xuống) để hoàn thành câu hỏi.

Có thể thấy rằng, 36% số người làm bài chọn “**above**” và “**over**”, trong đó đáp án trước là 21% và đáp án sau là 15%, để hoàn thành câu hỏi số 2. Hai giới từ này có một điểm chung là đều được dịch sang tiếng Việt là “**ở trên**”, “**phía trên**”.

Câu hỏi số 3 có tỉ lệ sinh viên làm đúng thấp nhất và điểm đáng lưu ý nhất ở đây là cả 51%

câu trả lời sai đều là các giới từ có nghĩa tương ứng trong tiếng Việt là “**ở trên**”.

Từ kết quả trên đây ta có thể thấy một thực tế là, tính chủ quan trong tư duy người Việt, trong tiếng Việt đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp nhận và sử dụng các giới từ trong tiếng Anh của người mới học.

### 3. Ảnh hưởng của tính Chủ quan - tính Khách quan với việc sử dụng câu bị động trong văn viết

Câu bị động, với bản chất nhấn mạnh hành vi được thực hiện thay vì nhấn mạnh đến tác nhân của hành vi, thể hiện tính chủ quan khá rõ nét. Người Anh-Mỹ ưa dùng câu bị động, đặc biệt là trong văn viết. Ngược lại, người Việt với khuynh hướng muốn cái chủ thể được nhìn nhận, được xác lập rõ ràng trong mọi mối quan hệ với các đối tượng tự nhiên và xã hội xung quanh, có khuynh hướng dùng câu chủ động nhiều hơn. Thậm chí trong những tình huống, khi mà chủ thể hành động có thể là một đối tượng không xác định, người Việt vẫn thiên về dùng cấu trúc chủ động, ví dụ “Người ta tin rằng...”, “Mọi người cho rằng...”. Trong khi đó, những tình huống tương tự luôn được diễn đạt trong tiếng Anh với cấu trúc bị động: “It is believed that...”, “it is said that...”, “it is believed that...”.

Sự khác biệt này có thể nhận thấy rõ ràng khi người người viết tùy chọn một bài viết ngẫu nhiên trên hanoimoi.com.vn có tiêu đề “Hà Nội: Tăng cường quản lý, điều hành, bình ổn giá”, đăng ngày 19/12/2012. Bài viết dài 618 từ có chứa 2 câu trúc bị động. Một bài viết khác được lựa chọn ngẫu nhiên trên Voanews.com đăng ngày 12.12.2012 có độ dài 510 từ và chứa 15 câu trúc bị động. Sự khác biệt trong tần suất sử dụng câu bị động này có thể được chỉ ra rõ ràng khi so sánh bất cứ một ấn bản viết cũng như nói tiếng Việt bản ngữ và tiếng Anh bản ngữ nào. Khuynh hướng này có ảnh hưởng sâu sắc đến cách diễn đạt ý tưởng và hành văn của sinh viên Việt Nam học tiếng Anh, đặc biệt khi

họ được yêu cầu thực hiện một văn bản viết. Việc hình thành thói quen tăng cường sử dụng cấu trúc bị động cho các văn bản học thuật hoặc kinh doanh nhằm tăng tính trịnh trọng (formality) của văn bản dường như đòi hỏi ở người học nhiều nỗ lực hơn mức người ta nghĩ.

#### 4. Kết luận

Những ảnh hưởng của yếu tố văn hóa trong quá trình dạy và học ngoại ngữ không phải là một lĩnh vực mới được người ta biết đến và quan tâm. Tuy nhiên, trong bối cảnh khi mà nhu cầu thuần thực một hoặc nhiều ngoại ngữ ngày càng trở thành vấn đề bức thiết của mỗi cá nhân để trang bị cho cuộc sống trong một thế giới hội nhập và cạnh tranh chóng mặt, thì những ảnh hưởng của khác biệt văn hóa đối với việc dạy và học ngoại ngữ càng được lưu tâm sâu sắc. Việc dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng cần phải được tiến hành song song với việc nâng cao nhận thức về khác biệt văn hóa. Những hoạt động học tập thực hành ngôn ngữ nên được kết hợp với những hoạt động so sánh đối chiếu văn hóa và các hiện tượng ngôn ngữ dị biệt đặc trưng. Đây không chỉ là một hoạt động nhằm hỗ trợ hiệu quả học tập mà còn là hoạt động làm giàu tri thức văn hóa của người học với tư cách một thực thể xã hội, để hiểu biết, để hòa nhập, để học hỏi và bảo tồn văn hóa Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

1. Quang.N (2008), *Văn hóa, giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ*, Tạp chí Khoa học ĐHQG HN, Ngoại ngữ 24.
2. D.R.Levine, M.B (1993), *Alderman, Beyond Language-Cross cultural communication*, Prentice Hall, Inc.
3. UNESCO (1982), *World conference on cultural policies*, Mexico City.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 22-01-2013)

#### TỔ CHỨC ĐỀ NGỮ... (tiếp theo trang 36)

Những phân tích trong bài báo này cho thấy khuynh hướng chung trong tường thuật bóng đá: nhìn bề ngoài có vẻ mang tính chấp vả nhưng toàn bộ bài tường thuật là liền mạch, là một thể thống nhất, có độ liên kết và độ mạch lạc, thể hiện rõ nét nó là một kiểu ngôn bản cụ thể: ngôn bản tường thuật bóng đá trực tiếp.

#### Tài liệu tham khảo

1. Halliday, M. A. K (1994), *An introduction to functional grammar*, (2<sup>nd</sup> Edition) London: Edward Arnold.
2. Halliday, M. A. K. & C. M. I. M. Matthiessen (2004), *An introduction to functional grammar*. (3<sup>rd</sup> Edition). London: Edward Arnold.
3. Fries, P. H (1981), *On the status of theme in English: argument from discourse, forum linguisticum*, 6(1), pp. 1 – 38 .
4. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt: sơ thảo ngữ pháp chức năng*. Quảng Nam: Nxb. Giáo dục.
5. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
6. Hoàng Văn Vân (2005), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Hoàng Văn Vân (2005), *Nghiên cứu dịch thuật*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Hoàng Văn Vân (2007), *Về khái niệm đề ngữ trong ngôn ngữ học chức năng*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2, trang 1-10.
9. Hoàng Văn Vân (2008), *Về vị trí và tổ chức của đề ngữ trong cú đơn, cú phức và trong các đơn vị chuyển tiếp*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, trang 19-27.
10. Hoàng Văn Vân (2012), *An experiential grammar of the Vietnamese clause*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
11. Nguyễn Thị Hồng Vân (2006), *Phân đề trong câu – một thành tố với chức năng tạo văn bản*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 6, trang 21-26 .
12. Matthiessen, C. M. I. M., and M. A. K. Halliday (1997), *Systemic functional grammar: A first step in to the theory*. London: France Pinter.
13. Mathiessen C. M. I. M (1995), *Lexico grammatical cartography: English systems*. Tokyo: International Sciences Publishers.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-02-2013)